

Số: 03 /NQ-HĐTTĐHYD

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược
giai đoạn 2021- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐĐHTN ngày 21/12/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Chiến lược phát triển Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Tờ trình số 165/TTr-ĐHYD ngày 03/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 10/3/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.


QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Giám đốc Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, Trưởng các phòng chức năng, khoa, bộ môn, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Đại học Thái Nguyên (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐT 

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TS. Nguyễn Đức Trung

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

*(Kèm theo Nghị quyết số 03 /NQ-HĐTTĐHYD ngày 14 tháng 3 năm 2022
của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
PHẦN I: SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN.....	2
PHẦN II: BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG	4
1. Bối cảnh quốc tế	4
2. Bối cảnh trong nước	5
3. Thực trạng nhà trường	6
PHẦN III: CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.....	12
PHẦN IV: MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC, CHỈ TIÊU CƠ BẢN	15
1. Mục tiêu chung	15
2. Mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản	15
2.1. Về quản trị đại học và nguồn nhân lực.....	15
2.2. Về đào tạo và bồi dưỡng	16
2.3. Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế	18
2.4. Về người học và kết nối cộng đồng	20
2.5. Về đảm bảo chất lượng giáo dục.....	21
2.6. Về công nghệ thông tin - Thư viện	21
2.7. Về công tác tài chính, cơ sở vật chất.....	22
2.8. Công tác Bệnh viện trường.....	23
PHẦN V: ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025 CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP	24
1. Định hướng chiến lược giai đoạn	24
2. Nhiệm vụ và giải pháp.....	25
2.1. Về quản trị đại học và nguồn nhân lực.....	25
2.2. Về đào tạo và bồi dưỡng	27
2.3. Về nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.....	29
2.4. Về người học và kết nối cộng đồng	33

2.5. Về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	34
2.6. Về công nghệ thông tin - Thư viện	35
2.7. Về cơ sở vật chất và tài chính	36
2.8. Công tác phát triển Bệnh viện trường	38
PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	40
1. Trách nhiệm của Hội đồng trường	40
2. Trách nhiệm của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.....	41
3. Trách nhiệm của Trưởng, Phó trưởng các đơn vị trong toàn trường	41
4. Trách nhiệm của viên chức, người lao động	42
5. Trách nhiệm của người học	42
6. Sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong trường	42

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNTT:	Công nghệ thông tin
CTĐT:	Chương trình đào tạo
HSSV:	Học sinh, sinh viên
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
VC, NLĐ:	Viên chức, người lao động

LỜI NÓI ĐẦU

Căn cứ các mục tiêu, định hướng phát triển giáo dục, y tế, kinh tế - xã hội tại địa phương và cả nước; kế hoạch chiến lược phát triển, các đề án của Đại học Thái Nguyên; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên (sau đây gọi là Trường Đại học Y - Dược) khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn 2030 là văn bản định hướng cho các chính sách và các hoạt động của nhà trường nhằm từng bước đổi mới quản trị đại học để hoàn thành các mục tiêu phát triển nhà trường trong giai đoạn đổi mới quản trị đại học. Văn bản này là cơ sở nền tảng để lãnh đạo nhà trường hoạch định các kế hoạch cụ thể, các nhiệm vụ hằng năm và xây dựng hệ thống văn bản quy định, quy chế, chính sách phù hợp để điều hành các hoạt động của Trường nhằm tổ chức thực hiện các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Y - Dược khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra đạt hiệu quả cao nhất, góp phần xây dựng Trường Đại học Y - Dược ngày càng phát triển, xứng đáng là một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có uy tín trong nước và khu vực, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội khu vực Trung du miền núi phía Bắc và cả nước.

Chiến lược phát triển trường gồm 06 phần và được xây dựng tập trung dựa trên các nhóm chức năng: đào tạo và bồi dưỡng, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, người học và kết nối cộng đồng, nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất, Bệnh viện trường. Mỗi liên kết cơ bản giữa các nhóm chức năng này thể hiện được mọi nguồn lực của trường phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, xã hội về lĩnh vực sức khỏe.

PHẦN I

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN

1. Sứ mạng

Trường Đại học Y - Dược có sứ mạng đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học; NCKH và chuyển giao công nghệ y dược; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc Trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước.

2. Tầm nhìn

Trường Đại học Y - Dược sẽ trở thành một trường Đại học sức khỏe; một cơ sở đào tạo nhân lực y tế có uy tín trong nước và khu vực, có năng lực NCKH, có đội ngũ cán bộ, giảng viên và nghiên cứu viên có trình độ cao, có cơ sở vật chất đồng bộ, có khả năng hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

3. Giá trị cốt lõi

Đoàn kết - Đổi mới - Chất lượng - Hiệu quả

4. Triết lý giáo dục

Tâm đức - Trí tài - Nhân ái

5. Định hướng mô hình phát triển trường

Trường Đại học Y - Dược là cơ sở giáo dục đại học, đào tạo đội ngũ nhân lực chủ yếu theo hướng ứng dụng; NCKH và công nghệ tập trung vào việc phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản; có năng lực chủ trì nghiên cứu, giải quyết nhiệm vụ, đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia và tham gia nghiên cứu, giải quyết những nhiệm vụ, đề tài khoa học và công nghệ khu vực và quốc tế.

5.1. Quy mô, ngành nghề và các trình độ đào tạo

- Tăng quy mô đào tạo phù hợp thực tế tại các thời điểm, quy mô của các CTĐT trình độ sau đại học, đào tạo ngắn hạn chiếm tỷ lệ 25-35% trong tổng quy mô đào tạo.

- Ngành nghề đào tạo: đa ngành, đa bậc học; linh hoạt theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

- Trình độ đào tạo: đại học, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II, Bác sĩ nội trú và thạc sĩ ứng dụng; một số chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ nghiên cứu và trình độ tiến sĩ.

5.2. Cơ cấu hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và cung cấp dịch vụ

- Có hệ thống phòng thí nghiệm nghiên cứu phát triển, cơ sở sản xuất thuốc và thử nghiệm, trung tâm nghiên cứu và đào tạo thực địa, bệnh viện thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cộng đồng.

- Hoạt động NCKH của giảng viên hằng năm 100% đảm bảo theo định mức quy định.

- Phân đầu ít nhất 80% các bộ môn, khoa, trung tâm trực tiếp hoặc tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực đào tạo và chuyên môn của đơn vị cho cộng đồng.

PHẦN II

BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG

1. Bối cảnh quốc tế

Sự chuyển biến sang thời kỳ phát triển của khoa học công nghệ hình thành nền kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hóa diễn ra sâu rộng đã tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Do ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0 làm chuyển dịch các ngành nghề đào tạo truyền thống và hình thành các ngành nghề đào tạo mới, nền kinh tế tri thức đòi hỏi giáo dục phải luôn tự vận động, không ngừng đổi mới, thích nghi và phát triển đáp ứng theo nhu cầu của nền kinh tế - xã hội.

Xu thế toàn cầu hóa dẫn đến việc hội nhập quốc tế giáo dục, tăng cường các hoạt động thương mại giữa các quốc gia, quốc tế hóa các chương trình giáo dục đại học. Giáo dục đại học trên thế giới đã và đang có nhiều thay đổi nhanh và theo nhiều hướng: xu thế chuyển dịch từ giáo dục tinh hoa sang giáo dục đại chúng với các hoạt động thương mại hóa giáo dục đại học ở nhiều quốc gia phát triển như Anh, Hoa Kỳ, Canada, Úc, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapo... Các quốc gia mạnh về giáo dục trên thế giới và khu vực đang cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa giáo dục và sự phát triển, các trường đại học danh tiếng trên bảng xếp hạng các trường đẳng cấp quốc tế của các quốc gia này đều có những con đường phát triển riêng biệt, độc đáo nhưng đều theo đuổi phát triển giáo dục đại học chất lượng cao, bám sát nền giáo dục hiện đại, tiên tiến trên thế giới. Tiêu chuẩn đánh giá các trường đại học cũng dần quốc tế hóa, nhiều tổ chức xếp loại, kiểm định trường đại học trên thế giới đã được thành lập và được các quốc gia công nhận và các trường đại học đăng ký đánh giá để cải thiện và khẳng định giá trị.

Hội nhập quốc tế về kinh tế, khoa học - công nghệ và cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, như: lao động, việc làm, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khoẻ cho người dân, cộng đồng, bảo trợ xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, vấn

đề dân số và sức khỏe cộng đồng dễ bị tổn thương...nhiều bệnh mới xuất hiện đang đe dọa tính mạng của loài người trên toàn thế giới và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực xã hội... cần có sự trao đổi thành tựu khoa học kỹ thuật, cũng như có sự phối hợp của nhiều quốc gia để ngăn chặn, giải quyết và phát triển giúp nâng cao chất lượng trong việc thực hiện các vấn đề về xã hội của các quốc gia.

2. Bối cảnh trong nước

Trong xu thế chung của thế giới, Việt Nam đang có nhiều cơ hội cũng như đối mặt với nhiều thách thức do toàn cầu hóa. Việc đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo, trong đó có đổi mới giáo dục đại học là nhiệm vụ chủ yếu trong chiến lược phát triển chung của quốc gia.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của BCH Trung ương chỉ rõ: Đổi mới căn bản và toàn diện quá trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; gắn phát triển quy mô một cách hợp lý với việc nâng cao chất lượng đào tạo; chất lượng đào tạo được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ là tất yếu khách quan, đòi hỏi nhiều yêu cầu mới về năng lực và trình độ nhân sự, theo đó các hoạt động đào tạo và NCKH từ các trường đại học phải đổi mới với yêu cầu đổi mới để đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu xã hội và cung cấp các dịch vụ cộng đồng. Chính sách mở cửa của Chính phủ Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự đầu tư của nước ngoài, sẽ có sự cạnh tranh ngày càng cao giữa các trường công lập với nhau, giữa công lập với trường tư và với các trường quốc tế. Nhằm tránh nguy cơ bị tụt hậu, đào thải, các trường đại học phải có chiến lược thay đổi phù hợp, đáp ứng yêu cầu và tình hình thực tế. Trong bối cảnh hiện nay, nền giáo dục 4.0, trường đại học không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu mà còn là trung tâm đổi mới, sáng tạo, giải quyết các vấn đề thực tiễn, mang giá trị cho xã hội.

Do đó các trường đại học cần đổi mới quản trị đại học, cải tiến mô hình đào tạo và nghiên cứu, rà soát, thay đổi CTĐT, đặc biệt ứng dụng CNTT trong đào tạo và nghiên cứu. Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ra đời là cơ sở để các trường đại học triển khai đổi mới căn bản và toàn diện để hướng tới nền giáo dục hiện đại, hội nhập quốc tế, xây dựng thương hiệu các trường nhằm thu hút người học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo nhân lực của xã hội.

Đối với các trường đào tạo lĩnh vực sức khỏe, cũng nhờ có chính sách mở cửa của Chính phủ, các quốc gia, tổ chức phi Chính phủ quốc tế đã hỗ trợ Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách kịp thời, hiệu quả. Nhiều đối tác đã giúp ngành Giáo dục, ngành y tế Việt Nam trong việc chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo; đổi mới nội dung CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp lượng giá nâng cao chất lượng đào tạo; hiện đại hóa cơ sở đào tạo để trong tương lai sẽ tham gia hòa nhập quốc tế một cách sâu rộng. Với mục tiêu trong tương lai, sản phẩm đào tạo của Việt Nam có trình độ tương đương và được thế giới công nhận. Tuy nhiên, mạng lưới cơ sở y tế, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn bộc lộ nhiều hạn chế: thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất thiếu thốn, việc chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho nhân dân hết sức khó khăn. Nhà nước có chính sách bảo hiểm y tế toàn dân, cấu thành giá dịch vụ y tế tiến tới tính đúng, tính đủ, thông tuyến bảo hiểm y tế. Vì vậy, đòi hỏi phải có đổi mới trong công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế để có năng lực, trình độ chuyên môn cao, y đức tốt, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. Thực trạng nhà trường

3.1. Điểm mạnh

Trường Đại học Y - Dược đã có một bề dày lịch sử và truyền thống qua gần 55 năm xây dựng và phát triển. Trường là một cơ sở đào tạo lớn của khu vực Trung du và miền Núi phía Bắc - có sứ mạng đào tạo, cung cấp nhân lực y tế không chỉ cho các tỉnh khu vực miền Núi phía Bắc mà còn cho cả nước.

Đội ngũ cán bộ y tế tốt nghiệp từ Trường Đại học Y - Dược đã và đang khẳng định tốt năng lực chuyên môn trong công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân của các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Các học viên, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn tốt, được các cơ sở y tế đánh giá cao. Một số cán bộ còn phát triển và khẳng định được năng lực của mình qua các vị trí lãnh đạo trong ngành y tế và chính quyền các địa phương. Hầu hết cán bộ chủ chốt từ cấp huyện, cấp tỉnh của hệ thống y tế các tỉnh miền Núi phía Bắc đều là cựu học viên, sinh viên nhà trường. Cho đến hiện nay, Trường đã đào tạo được hơn 20.000 bác sỹ, dược sỹ, cử nhân điều dưỡng cho các tỉnh miền Núi, Trung du phía Bắc, Tây Nguyên và cho các nước bạn Lào, Campuchia. Đội ngũ này đã và đang thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong khu vực, qua đó góp phần to lớn cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Đất nước.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường cơ bản đáp ứng được về yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển nhà trường. Hiện nay, Trường có 484 cán bộ viên chức, trong đó có 341 giảng viên gồm 21 Giáo sư, Phó giáo sư; 83 Tiến sĩ, Chuyên khoa II; 187 Thạc sĩ, Chuyên khoa I và Bác sĩ nội trú; 51 bác sĩ, cử nhân... tham gia đào tạo cho gần 8000 sinh viên và học viên sau đại học đang theo học 07 mã ngành trình độ đại học, 44 mã ngành trình độ sau đại học (Tiến sĩ, Thạc sĩ, Chuyên khoa 1, Chuyên khoa 2 và Bác sĩ nội trú).

Về hợp tác quốc tế, nhà trường đã xây dựng và duy trì được các mối quan hệ với nhiều đối tác. Tiếp tục đẩy mạnh việc hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học của các nước như: Thái Lan, Đài Loan, Mỹ, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... để phục vụ đào tạo chuyên sâu một số chuyên ngành về y dược và xu hướng hội nhập quốc tế.

Chất lượng đầu vào của sinh viên khá tốt, đa số sinh viên đã xác định được mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai nên có ý thức học tập đúng đắn, có tinh thần vươn lên trong học tập và rèn luyện. Nhiều cựu sinh viên của trường đã khẳng định được vị trí của mình trong công tác quản lý, công tác chuyên môn tại

các địa phương trong cả nước nên đã tạo tiền đề cho sinh viên trong trường tích cực học tập, rèn luyện để lập thân, lập nghiệp.

Nhà trường đã chủ động tìm kiếm các đối tác, các dự án về phát triển nguồn nhân lực y tế, đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, trang thiết bị giảng dạy, trang thiết bị thư viện, phục vụ đào tạo và NCKH; có kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch về xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện, hệ thống phòng học, giảng đường, các phòng thực hành, labo trung tâm, cơ sở thực hành ngoài trường được đầu tư xây dựng, trang bị cơ sở vật chất, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ người bệnh. Đây là một nguồn lực quan trọng giúp nhà trường phát triển một cách đồng bộ và toàn diện.

2.2. Điểm yếu

Trường trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo với nguồn kinh phí đầu tư rất hạn hẹp, thấp hơn rất nhiều so với các trường Đại học Y - Dược khác cùng quy mô trực thuộc Bộ Y tế.

Việc đổi mới quản trị đại học mới được tiếp cận nên còn nhiều khó khăn, cơ cấu tổ chức chưa thực sự tinh gọn, hiệu quả để phát huy được hết năng lực tập thể, cá nhân. Tỷ lệ giảng viên có trình độ Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ mặc dù tương đương các trường Y – Dược khác trên toàn quốc nhưng còn thấp so với mặt bằng chung của Đại học Thái Nguyên. Các chuyên gia về lĩnh vực chuyên sâu còn thiếu.

Các hoạt động NCKH còn hạn chế, số công bố quốc tế chưa nhiều, số lượng đề tài cấp Bộ, tỉnh và cấp nhà nước còn ít, chất lượng đề tài chưa cao. Môi trường hoạt động ứng dụng chuyên môn ở các khoa, bộ môn còn hạn chế do có ít các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng chuyên sâu. Chưa phát huy được sức mạnh tập thể, cũng như sự phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài trường trong NCKH.

Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo còn hạn chế. Chất lượng đào tạo còn chưa như mong muốn so với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời

kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. CTĐT có đổi mới nhưng còn chậm so với yêu cầu, nội dung còn nặng về lý thuyết; các học phần tự chọn chưa phong phú, đặc biệt là không có học phần tự chọn cung cấp các kỹ năng mềm cho học viên, sinh viên. Cấu trúc CTĐT chưa thể hiện rõ tính tích hợp và lồng ghép giữa các khối kiến thức. Hình thức và phương pháp lượng giá chậm đổi mới.

Hạ tầng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng học, công tác CNTT - Thư viện chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Diện tích, khuôn viên tại cơ sở 1 của nhà trường còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ với nhu cầu phát triển của nhà trường. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm xuống cấp và còn thiếu so với nhu cầu phát triển. Thư viện được đầu tư tốt nhưng chưa đồng bộ hóa, khả năng khai thác còn hạn chế.

Quy mô và kết quả hoạt động của Bệnh viện trường chưa xứng tầm bệnh viện hạng 2. Kinh phí đầu tư cho bệnh viện hằng năm rất ít, không tương xứng với quy mô và nhiệm vụ. Tính chuyên nghiệp của cán bộ y tế tại bệnh viện chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Sự gắn kết giữa các bộ môn với các khoa của bệnh viện chưa cao, chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của các đơn vị.

2.3. Cơ hội

Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế xã hội.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng coi sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là hoạt động nhân đạo, trực tiếp bảo đảm nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho lĩnh vực này là đầu tư phát triển, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ.

Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các

cơ sở giáo dục đại học thành viên đã tạo cơ chế, phát huy tối đa mọi nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho các trường đại học thành viên triển khai các hoạt động. Sự phân cấp, quản lý giáo dục, tăng quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của nhà trường cũng là cơ hội để Trường phát triển.

Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là CNTT và truyền thông sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu, tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để đổi mới, phát triển giáo dục.

Nhu cầu học tập của xã hội ngày càng cao, đặc biệt nhu cầu về đào tạo lĩnh vực sức khỏe.

2.4. Thách thức

Hệ thống văn bản pháp quy còn chưa đồng bộ, chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, còn có sự chồng chéo ở một số lĩnh vực trong giai đoạn đổi mới.

Mô hình bệnh tật và các bệnh mới nổi ngày càng diễn biến phức tạp, khó dự báo do vậy đã tạo ra những thách thức đối với các cơ sở đào tạo nhân lực y tế, yêu cầu về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế ngày càng cao, đòi hỏi nhà trường cần đẩy mạnh phát triển chất lượng đội ngũ giảng dạy, NCKH, đồng thời phải nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, trong khi nguồn lực đầu tư cho giáo dục nói chung và Trường Đại học Y - Dược nói riêng còn hạn chế.

Cơ hội cạnh tranh về chất lượng ngày càng cao, để sinh viên có được cơ hội việc làm đòi hỏi nhà trường phải nâng cao chất lượng đào tạo; sản phẩm đào tạo phải ngang bằng hoặc cao hơn so với các trường khác trong cả nước. Trong tương lai, với xu hướng toàn cầu hóa, nhiều trường Đại học trong toàn quốc nói chung và nhà trường nói riêng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh của các trường

Đại học Y - Dược quốc tế, với ưu thế về nguồn lực kinh tế, cơ sở vật chất, thu hút nhân lực trình độ cao.

Mặt trái của cơ chế thị trường tác động tới việc cạnh tranh đội ngũ có trình độ cao giữa cơ sở đào tạo lĩnh vực sức khỏe với các cơ sở y tế tư nhân và các bệnh viện tuyến trung ương.

Yêu cầu tính ứng dụng thực tiễn, giá trị khoa học của đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ ngày càng cao ở các địa phương. Nhu cầu cấp thiết phát triển các đề tài khoa học gắn kết chặt chẽ hơn nữa với nâng cao chất lượng đào tạo, nhu cầu cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân

Yêu cầu của ngành, cũng như của xã hội về chất lượng ngày càng cao. Yêu cầu chuẩn hóa mọi lĩnh vực của các trường đại học, các cơ sở y tế trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

PHẦN III

CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước;
- Các văn kiện, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và XIII;
- Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến 2030;
- Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 10/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”;
- Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch đào tạo và đào tạo cán bộ trong giai đoạn 2016-2025;
- Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 và Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13;
- Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH-CN trong các cơ sở giáo dục đại học;
- Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;
- Quyết định số 2126/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.
- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;
- Nghị quyết số 28/NQ-HĐĐHTN ngày 07/8/2020 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược nhiệm kỳ 2020-2025;
- Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;
- Nghị quyết số 51/NQ-HĐĐHTN ngày 21/12/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Chiến lược phát triển Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035;
- Nghị quyết số 07/NQ-ĐH ngày 19/6/2020 tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Quyết định số 19/QĐ-ĐU ngày 30/11/2020 của Đảng uỷ Trường Đại học Y - Dược về việc ban hành các Đề án công tác trọng tâm của Đảng uỷ Trường Đại học Y - Dược khoá XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

- Quyết định số 2436/QĐ-ĐHTN ngày 26/11/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc đổi tên và tái cơ cấu tổ chức đối với Bệnh viện Trường Đại học Y khoa;

- Quyết định số 2730/QĐ-ĐHYD ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược.

- Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-ĐHYD ngày 06/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên).

PHẦN IV

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC, CHỈ TIÊU CƠ BẢN

1. Mục tiêu chung

Trong giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030, Trường tiếp tục phát triển trường theo định hướng chuẩn hóa, hiện đại, dân chủ, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; phát triển quy mô phù hợp thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, gồm: đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, thực hành chuyên môn, ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực y tế chất lượng cao của xã hội phục vụ sự phát triển chung của đất nước. Sản phẩm NCKH được công nhận ở trong nước và quốc tế, được chuyển giao và sử dụng trong thực tiễn và đóng góp vào việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng và xã hội.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản

2.1. Về quản trị đại học và nguồn nhân lực

1. Đổi mới quản trị nhà trường theo mô hình quản trị đại học tiên tiến và phù hợp điều kiện thực tế và yêu cầu đổi mới, theo hướng từng bước tiến tới tự chủ đại học. Hệ thống quản trị số hóa các công tác hành chính. Xây dựng môi trường, văn hóa làm việc chuyên nghiệp, phù hợp với các đối tượng người lao động. Thu nhập tăng trưởng ổn định.

2. Đổi mới, sắp xếp, tái cơ cấu tổ chức bộ máy của trường và Bệnh viện trường, các trung tâm theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp thực tiễn.

3. Xây dựng và phát triển được nguồn nhân lực có chất lượng với quy mô và cơ cấu phù hợp, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu của các vị trí việc làm trong toàn trường.

* Chỉ tiêu cơ bản

a) Chỉ tiêu về tổ chức bộ máy

- Có đầy đủ hệ thống văn bản điều hành hoạt động chung của trường, đến năm 2025 có hệ thống các quy trình hoạt động nội bộ xây dựng theo tiêu chuẩn ISO.

- Đến năm 2025, thành lập mới để có ít nhất 05 trung tâm thuộc trường hoạt động; trong đó ít nhất 02 trung tâm hoạt động tự chủ một phần; đến năm 2030, ít nhất 02 trung tâm tự chủ toàn phần.

- Rà soát, sát nhập các bộ môn thuộc khoa để đảm bảo quy định nhân lực và hoạt động chức năng.

b) Chỉ tiêu về nhân lực

- Phân đầu đến năm 2025, tỷ lệ giảng viên/sinh viên chính quy của từng ngành đạt chuẩn quy định: 1/15; Tỷ lệ cán bộ phòng ban, nhân viên/giảng viên là 1/3. Từ năm 2030, duy trì chuẩn theo quy định.

- Đến năm 2025: Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp, tỷ lệ đạt 90-95%. Đến năm 2030: 100% đạt chuẩn.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ sau đại học đạt từ 90% trở lên. Phân đầu đến năm 2025, tỷ lệ giảng viên đạt học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư tối thiểu 10%; 25-30% giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ và tương đương; 100% giảng viên trong độ tuổi dưới 45 có trình độ tin học và đạt chuẩn trình độ 01 ngoại ngữ; đến năm 2030, tỷ lệ Giáo sư, Phó Giáo sư từ 15 - 20%; Tiến sĩ từ 30% - 40%.

- Mỗi năm ít nhất 10% cán bộ quản lý và trong quy hoạch được đào tạo, bồi dưỡng về năng lực quản lý và trình độ lý luận chính trị. Đến năm 2025, đảm bảo 100% giảng viên trẻ (1-3 năm công tác) được tham gia tập huấn về phát triển CTĐT và phương pháp dạy - học tích cực.

- Bảo đảm thu nhập bình quân của VC, NLD đạt 150 triệu đồng/người/năm vào năm 2025; đạt 200 triệu đồng/người/năm vào năm 2030. Đối với giảng viên có trình độ chuyên môn cao có các chế độ chính sách khuyến khích phù hợp tình hình thực tế.

2.2. Về đào tạo và bồi dưỡng

1. Rà soát cập nhật, đổi mới, phát triển CTĐT các ngành và bậc học của trường đáp ứng chuẩn năng lực, chuẩn đầu ra, phù hợp tình hình thực tế và nhu cầu xã hội. Đổi mới quản lý, tổ chức đào tạo phù hợp thực tế.

2. Trường có hệ thống đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, nâng cao trình độ người học dựa trên nền tảng các ngành đào tạo dài hạn; bồi dưỡng chuyên sâu, nâng cao năng lực và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe; NCKH đảm bảo linh hoạt, chất lượng, đáp ứng đa dạng nhu cầu người học và xã hội.

** Chỉ tiêu cơ bản*

- Tăng quy mô đào tạo phù hợp: 10.000 học viên, sinh viên hệ chính quy vào năm 2025; khoảng 12.000 học viên, sinh viên hệ chính quy vào năm 2030.

- Hoàn thành CTĐT y khoa đổi mới. Xây dựng ít nhất 01 CTĐT đại học chất lượng cao (Chương trình trọng điểm ngành Cử nhân Điều dưỡng).

- Mở ngành đào tạo: đến năm 2025, mở mới ít nhất 02 mã ngành đào tạo đại học và 5 - 7 mã ngành đào tạo sau đại học. Đến năm 2030, mở mới ít nhất 02 mã ngành đào tạo đại học và 3 - 5 mã ngành đào tạo sau đại học. Trong đó, quy mô đào tạo đại học (chính quy) 60%; liên thông (chính quy) 5%; liên thông (Vừa làm vừa học) giảm từ 17% xuống 5%; Chuyên khoa 1 tăng từ 5,8% (506 học viên) lên 9%; Chuyên khoa 2 tăng từ 1,2% (108 học viên) lên 6%; Bác sĩ nội trú tăng từ 1,7% (151 học viên) lên 6%; Thạc sĩ tăng từ 0,8% (67 học viên) lên 5%; Tiến sĩ tăng từ 0,3% (22 học viên) lên 4%.

- Thực hiện chuyển đổi tất cả các CTĐT sau đại học sang học chế tín chỉ, đổi mới quản lý đào tạo sau đại học bằng phần mềm.

- Cho tới năm 2025, xây dựng và tổ chức được ít nhất 50 CTĐT liên tục; tới năm 2030: đủ năng lực đáp ứng theo nhu cầu xã hội về các CTĐT ngắn hạn, bồi dưỡng thuộc lĩnh vực sức khỏe.

- Mỗi năm, ít nhất 20 cuốn Giáo trình Đại học; 05 cuốn Giáo trình Bác sĩ nội trú; 10 cuốn Giáo trình Chuyên khoa 1; 05 cuốn Giáo trình Chuyên khoa 2; 05 cuốn Giáo trình Thạc sĩ; 02 cuốn Giáo trình Tiến sĩ và 10 cuốn Giáo trình Đào tạo liên tục được thẩm định. Trong đó, ít nhất 50% cuốn Giáo trình đã thẩm định được xuất bản.

2.3. Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế

2.3.1. Về nghiên cứu khoa học

1. Có các nhóm nghiên cứu mạnh, liên kết đa ngành để đủ năng lực triển khai các chương trình, đề tài, nhiệm vụ các cấp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

2. Cải thiện chất lượng, và tăng số lượng các bài báo công bố trong nước và quốc tế.

3. Thực hiện các đề tài nghiên cứu theo hướng tăng tính ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác NCKH và chuyển giao công nghệ.

**** Các chỉ tiêu cơ bản***

- Đề tài khoa học các cấp: Đề tài Nghị định thư: ít nhất 01 đề tài. Đề tài cấp Bộ và tương đương: ít nhất 2 đề tài/năm được phê duyệt. Đề tài cấp cơ sở cấp Trường: tối thiểu 05 đề tài/năm. Đề tài cơ sở cấp khoa/BM: tối thiểu 50 đề tài/năm. Đề tài sinh viên: tối thiểu 20 đề tài/năm.

- Số lượng đề tài nghiệm thu/tổng số giảng viên cơ hữu đạt 0,2. Tối thiểu 5% đội ngũ cán bộ tham gia nghiên cứu và viết bài đăng trên các tạp chí quốc tế.

- Số bài báo đăng trên tạp chí uy tín quốc tế đạt trung bình: 20 bài/năm, công bố trong nước 120-150 bài/năm. 80% sinh viên tham gia NCKH đăng bài báo trên các tạp chí quốc gia hoặc Tạp chí Khoa học Công nghệ Y Dược.

- Tối thiểu có 01 sản phẩm khoa học công nghệ đăng ký bản quyền sở hữu sản phẩm hoặc đăng ký giải pháp hữu ích của lĩnh vực Dược/ Y học cổ truyền.

- Hằng năm có ít nhất 05 đề tài nghiên cứu được nghiệm thu và chuyển giao công nghệ cho các cơ sở y tế về lĩnh vực y học lâm sàng/ y học cơ sở/ y tế công cộng/Dược.

- Ít nhất 01 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết và triển khai.

- Phấn đấu đến năm 2025, ít nhất 01 giải thưởng về khoa học công nghệ cấp quốc gia hoặc khu vực.

2.3.2. Công tác hợp tác quốc tế

1. Xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp quy về công tác Hợp tác quốc tế.
2. Tăng cường, mở rộng quan hệ với các đối tác. Đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài.

3. Tìm kiếm các cơ hội hợp tác, các nguồn học bổng, tài chính từ các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ để phục vụ việc đào tạo đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên cũng như việc hợp tác nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, tăng cường các công bố quốc tế đặc biệt là các công bố trên hệ thống ISI, Scopus.

* *Chỉ tiêu cơ bản*

- Tổ chức ít nhất 01 hội thảo quốc tế/nhiệm kỳ.
- Tìm kiếm nguồn học bổng, dự án để cử cán bộ đào tạo trình độ sau đại học, ngắn hạn: tối thiểu 3-5 cán bộ/năm.
- Dự án hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới: tối thiểu 01 dự án/năm.
- Dự án nghiên cứu chung với các nước trong khu vực và trên thế giới: tối thiểu 01 nghiên cứu/nhiệm kỳ.
- Dự án trao đổi học thuật, chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng chương trình đào tạo: tối thiểu 01 dự án/nhiệm kỳ.
- Mở rộng quy mô đào tạo lưu học sinh nước ngoài, hằng năm tuyển từ 10-20 lưu học sinh trình độ đại học, sau đại học. Tuyển sinh viên nước ngoài đến thực tập: 2-3 nhóm/năm (nếu điều kiện cho phép).
- Tổ chức hội nghị, hội thảo có yếu tố người nước ngoài: tối thiểu 1 hội thảo/năm.
- Xây dựng và cập nhật website tiếng Anh để tăng cường trao đổi và quảng bá hình ảnh của Nhà trường.
- Tìm kiếm cơ hội để tăng cường năng lực ngoại ngữ cho cán bộ của Trường: 1-2 đợt học ngoại ngữ cho cán bộ/năm.

- Tăng cường sự hỗ trợ cơ sở vật chất từ các đối tác quốc tế và tiến tới tạo nguồn thu từ các hoạt động Hợp tác quốc tế.

2.4. Về người học và kết nối cộng đồng

1. Có hệ thống tư vấn, hỗ trợ cho người học hiệu quả, đổi mới cách thức tổ chức quản lý người học theo hướng linh hoạt, tích cực, tạo thuận lợi cho người học và đảm bảo đúng quy chế đào tạo các đối tượng, bậc học.

2. Có môi trường và các hoạt động hướng nghiệp khuyến khích sinh viên rèn luyện, sáng tạo và kết nối, hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm hiệu quả.

3. Kết nối hệ thống Cựu cán bộ, viên chức, giảng viên, cựu sinh viên tham gia tư vấn, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động chung của trường.

*** Chỉ tiêu cơ bản**

- Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ VC, NLD trong công tác quản lý HSSV, tạo môi trường và hỗ trợ HSSV xác định được mục tiêu phấn đấu của bản thân, chủ động trong học tập, rèn luyện các kỹ năng, đáp ứng tốt với yêu cầu công tác trong tương lai và phục vụ cộng đồng.

- 100% thủ tục hành chính phục vụ công tác sinh viên được quy trình hóa và công bố.

- Có 01 trung tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên

- Có ít nhất 01 quỹ hỗ trợ sinh viên, hằng năm có ít nhất 03 đơn vị doanh nghiệp tài trợ cho sinh viên thuộc đối tượng chính sách, khó khăn.

- Có cơ sở dữ liệu VC, NLD, giảng viên, cựu sinh viên, học viên và có các hoạt động kết nối và thúc đẩy mối quan hệ nhà trường - doanh nghiệp - cựu sinh viên tới năm 2025.

- 100% người học mới nhập trường được tổ chức tham gia Tuần giáo dục chính trị đầu khóa và ký cam kết phấn đấu, rèn luyện.

- Phấn đấu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đạt trên 95%, tỷ lệ sinh viên chính quy tốt nghiệp đúng kỳ hạn đạt trên 70%, trong đó tỷ lệ tốt nghiệp loại khá giỏi chiếm ít nhất 60%. Tỷ lệ sinh viên có điểm rèn luyện đạt loại khá,

giỏi tối thiểu đạt 90%. 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ.

2.5. Về đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Định kỳ đánh giá trường đạt chuẩn theo quy định của Bộ và phân đấu các CTĐT của Trường được kiểm định theo chuẩn quốc gia và khu vực.

2. Nâng cao chất lượng ngân hàng câu hỏi lượng giá và đa dạng các hình thức lượng giá, đánh giá, đảm bảo công bằng, khách quan và đánh giá đúng năng lực của người học.

*** Chỉ tiêu cơ bản**

- Đánh giá ngoài kiểm định chất lượng Trường lần 2 đạt yêu cầu vào năm 2022 và lần 3 vào năm 2027.

- Định kỳ 02 năm/01 lần rà soát chuẩn đầu ra và CTĐT cho tất cả các CTĐT trình độ đại học và sau đại học. Ít nhất 02 CTĐT được kiểm định đạt tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA và ít nhất 03 CTĐT được kiểm định đạt tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước năm 2025. Ít nhất 70% số CTĐT được kiểm định trước năm 2030.

- 100% các bộ môn có bộ ngân hàng câu hỏi lượng giá đảm bảo số lượng và chất lượng phù hợp hình thức lượng giá.

- Có hệ thống văn bản đầy đủ quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức lượng giá, đánh giá.

2.6. Về công nghệ thông tin - Thư viện

1. Đến năm 2025, chuyển đổi số các lĩnh vực hoạt động trong toàn trường; cải thiện và xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế.

2. Xây dựng thư viện điện tử, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý và cung cấp dịch vụ thư viện.

*** Chỉ tiêu cơ bản**

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT trong toàn trường

- Có hệ thống wifi miễn phí trong khuôn viên trường và Bệnh viện trường;

- Tỷ lệ ứng dụng các phần mềm phù hợp vào công tác quản lý các hoạt động của trường tăng hằng năm.

- Quản lý và vận hành kỹ thuật máy tính toàn trường (khoảng 1500 máy tính cá nhân và máy tập trung), 05 phòng học thông minh, 02 phòng họp trực tuyến, 02 phòng thu, quay bài giảng, 03 phòng học ngoại ngữ, phát triển hệ thống E- Learning có 20 khóa học đầy đủ.

- Thành lập Trung tâm CNTT- Thư viện khi đủ điều kiện;

- Phân đấu ít nhất đủ 70% loại đầu sách chuyên môn, giáo trình của các đối tượng đào tạo của trường do Trường biên soạn, phát hành. Đến 2030, thư viện quản lý 100% loại đầu sách chuyên môn, giáo trình của các đối tượng đào tạo của trường do Trường biên soạn, phát hành.

2.7. Về công tác tài chính, cơ sở vật chất

1. Có tổng thể quy hoạch các cơ sở của Trường, khuôn viên xanh, sạch, đẹp và đảm bảo an ninh, trật tự.

2. Cải thiện hệ thống cơ sở vật chất, hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành... đủ đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động văn hóa, thể thao, sinh hoạt và học tập của sinh viên, học viên và các hoạt động giảng dạy, NCKH và làm việc của VC, NLD và cung cấp dịch vụ cộng đồng.

3. Nguồn thu của Trường tăng trưởng ổn định qua các năm, đảm bảo an ninh tài chính, chi phí và tích lũy có cơ cấu hợp lý.

** Chỉ tiêu cơ bản*

a) Chỉ tiêu về cơ sở vật chất

- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể Trường giai đoạn 2020-2025, định hình không gian, cơ sở hạ tầng, phân đấu đến năm 2025 cơ bản đáp ứng các điều kiện về trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cộng đồng nhằm đem lại sự hài lòng, sự tự hào và tạo động lực cho người học, VC, NLD của Trường.

- Bố trí lại địa điểm Bệnh viện, khu giảng đường, phòng thực hành, đến năm 2025, mở thêm 01 công trường; năm 2030, mở thêm được 01 công trường theo quy hoạch đã được Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

- Hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng tại Trung tâm đào tạo và nghiên cứu thực địa, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ sở I và cơ sở Phú Lương. Điều chỉnh quy hoạch tại cơ sở II theo quy hoạch chung của Đại học Thái Nguyên.

- Xây dựng mới 01 tòa nhà 6 tầng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu và điều trị.

- Hoàn thành dự án “Tăng cường năng lực cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường ĐHYD, ĐHTN”.

- Đầu tư ít nhất 01 phòng thí nghiệm trọng điểm, chuyên sâu phục vụ đào tạo, NCKH, ứng dụng vào thực tiễn.

- Trang bị cơ sở vật chất đủ để phục vụ đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị, đầu tư trọng điểm Bệnh viện trường và ít nhất 2 trung tâm của Trường để phát triển và triển khai kỹ thuật chuyên môn.

b) Chỉ tiêu về tài chính

- Xây dựng hệ thống các văn bản tài chính để triển khai cơ chế tự chủ đại học.

- Đa dạng hóa các nguồn thu hoạt động, phát triển nguồn lực tài chính ngoài Ngân sách nhà nước.

- Phân đầu đến năm 2023 tự chủ chi thường xuyên 100%, và tiếp tục định hướng tiến tới tự chủ hoàn toàn trong các năm tiếp theo.

2.8. Công tác Bệnh viện trường

- Giai đoạn 2020 - 2025: Bệnh viện hạng II với quy mô 100 - 200 giường bệnh, có khoảng 14 - 18 khoa chuyên môn và 5 - 7 phòng chức năng.

- Thành lập khoa Nội soi và điều trị các bệnh tiêu hóa, Khoa Nhi, Khoa khám bệnh và điều trị theo yêu cầu đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Tổ chức tối thiểu 2-3 khóa đào tạo liên tục/năm.

- Mỗi khoa chuyên môn phát triển được 1-2 kỹ thuật mới/năm.

PHẦN V
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025
CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Định hướng chiến lược giai đoạn

Việc xác định các định hướng chiến lược có vai trò đặc biệt quan trọng, là yếu tố căn bản đối với sự phát triển ổn định, bền vững lâu dài của trường. Do vậy phải đảm bảo tính kế thừa vừa thích ứng với xu thế thực tiễn, đảm bảo tạo đột phá thúc đẩy sự phát triển của Trường trong bối cảnh giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2030. Định hướng trong giai đoạn 2021-2025 là:

1. Xây dựng mô hình quản trị trường theo hướng tự chủ phù hợp. Đổi mới công tác xây dựng, phát triển nguồn nhân lực và quản trị nhân lực đáp ứng yêu cầu giáo dục khai phóng trong xu thế đổi mới và sáng tạo.

2. Rà soát và đổi mới CTĐT dựa trên năng lực, đa dạng cách thức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, lượng giá, đánh giá và quản lý người học nhằm tăng quy mô nhưng đảm bảo nâng cao được chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, xã hội.

3. Đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng NCKH, chuyển giao công nghệ đạt sự công nhận của cộng đồng, xã hội trong nước và quốc tế.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, tư vấn và hỗ trợ người học; Tăng cường kết nối hệ thống cựu VC, NLD, người học và doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

5. Kiểm định đánh giá trường là thước đo để nhà trường thường xuyên có kế hoạch cải thiện ngày càng phát triển. Tăng cường công tác đánh giá chương trình đạt chuẩn trong nước và quốc tế.

6. Tích cực chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý của trường. Xây dựng hệ thống CNTT - Thư viện đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và dịch vụ cộng đồng.

7. Hệ thống tài chính bền vững; xây dựng và phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất, và dịch vụ theo hướng tạo môi trường phát triển thuận lợi cho các hoạt động của các đơn vị trong trường.

8. Sử dụng hợp lý các nguồn lực để hỗ trợ xây dựng Bệnh viện trường phát triển.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Về quản trị đại học và nguồn nhân lực

Đổi mới công tác quản trị đại học, quản trị gắn với đảm bảo chất lượng và nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Bao gồm quản trị chiến lược, quản trị hệ thống, quản trị chức năng, quản trị các kết quả đầu ra. Rà soát, cập nhật, cụ thể hóa các văn bản pháp luật quy định để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, hệ thống văn bản điều hành hoạt động phù hợp thực tế của trường, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị phù hợp quy định pháp luật.

Tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả. Rà soát, sắp xếp vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu.

Phát triển đội ngũ chuyên viên theo hướng chuyên nghiệp hóa, đặc biệt quan tâm phát triển đội ngũ giảng viên: xây dựng kế hoạch tuyển dụng phù hợp theo từng năm đảm bảo sự kế thừa, ổn định và phát triển; đẩy mạnh công tác đào tạo chuẩn hóa đội ngũ, đặc biệt giảng viên và đội ngũ cán bộ trình độ cao. Xây dựng các quy định, cập nhật và bổ sung các chính sách thu hút, hỗ trợ, sử dụng, đãi ngộ cán bộ phù hợp điều kiện của Trường.

Cải thiện, tạo môi trường làm việc tốt, khuyến khích sự năng động, sáng tạo và hiệu quả gắn với cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội; cải tiến phương thức làm việc, phương thức đánh giá VC, NLD đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, chuyên nghiệp. Quan tâm việc cải thiện, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất, sự tâm huyết, mong muốn được cống hiến của VC, NLD.

*** Giải pháp thực hiện**

- Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu các đơn vị trong toàn trường nhận thức rõ vai trò trách nhiệm trong tổ chức cán bộ của đơn vị mình, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức cho toàn thể CBVC, NLD để thống nhất thực hiện.

- Tiếp cận hệ thống các quy trình hoạt động theo tiêu chuẩn ISO. Rà soát, cập nhật, xây dựng, bổ sung đầy đủ hệ thống văn bản điều hành hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường, Trường, Bệnh viện, các trung tâm;

- Sắp xếp, điều chỉnh tổ chức bộ máy:

+ Hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Bệnh viện sau khi Bệnh viện Trường Đại học Y khoa trực thuộc Đại học Thái Nguyên thành Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

+ Rà soát, bố trí sắp xếp các trung tâm đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả, không bị trùng lặp chức năng, nhiệm vụ. Xây dựng đề án và thành lập các trung tâm: Trung tâm Y học gia đình, Trung tâm xét nghiệm y học và ứng dụng kỹ thuật cao, Trung tâm Giáo dục Y học ... phù hợp tình hình thực tế.

+ Rà soát, xây dựng đề án thành lập các khoa, phòng, đơn vị, bộ môn phù hợp thực tế và khi đủ điều kiện.

- Xây dựng cụ thể kế hoạch tuyển dụng hằng năm đảm bảo đúng quy định, chất lượng, công khai, minh bạch. Xây dựng chính sách thu hút, hỗ trợ hợp lý, phù hợp thực tiễn của Trường đối với nhân lực chất lượng cao từ đơn vị, địa phương khác; chú trọng công tác phát hiện, đào tạo và tuyển dụng sinh viên khá, giỏi ở lại Trường công tác.

- Có kế hoạch đảm bảo đội ngũ chuyên môn cơ hữu cân đối giữa các ngành đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo ngắn hạn, các lớp đào tạo kỹ thuật chuyên sâu, tập huấn nghiệp vụ, tham gia các hội thảo khoa học, học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị,

ngoại ngữ, tin học. Xây dựng chính sách bắt buộc và hỗ trợ đối với giảng viên học tiến sĩ và tích lũy đủ điều kiện để đề nghị phong xét chức danh Phó giáo sư, Giáo sư.

- Rà soát, cập nhật, ban hành các chính sách về thu nhập, điều kiện làm việc, môi trường công tác, các quy định về văn hóa ứng xử trong nhà trường tạo môi trường làm việc tốt và chuyên nghiệp và thu hút nhân lực có chất lượng.

- Xây dựng quy định việc quản lý, đánh giá và chế độ đối với giảng viên thỉnh giảng, phối hợp chặt chẽ với các bộ môn, các phòng liên quan thường xuyên rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể mời giảng viên có trình độ cao từ các bệnh viện thực hành tham gia thỉnh giảng.

- Phối hợp các phòng chức năng, bộ môn tăng cường đội ngũ để mở các mã ngành đào tạo sau đại học tại trường; mở các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy, lượng giá, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ... Tăng cường tìm kiếm hợp tác trao đổi, liên kết đào tạo với nước ngoài.

2.2. Về đào tạo và bồi dưỡng

- Tăng cường chất lượng công tác tuyển sinh các hệ đại học, sau đại học: Xây dựng đề án tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển, xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định và theo hướng tăng dần quy mô trình độ đào tạo đại học, trình độ sau đại học.

- Đổi mới và hoàn thiện nội dung, CTĐT dựa trên năng lực thực hành nghề nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế.

+ Rà soát và hoàn thiện nội dung, CTĐT đáp ứng chuẩn năng lực, chuẩn đầu ra.

+ Xây dựng, nhập khẩu CTĐT chất lượng cao, chương trình tiên tiến: Trước mắt tập trung các nguồn lực để phát triển chương trình tiên tiến ngành Điều dưỡng. Tiếp tục đổi mới CTĐT dựa trên năng lực thực hành nghề nghiệp đối với ngành Y đa khoa và Điều dưỡng.

- Đổi mới phương pháp dạy/học và lượng giá

+ Nâng cao chất lượng của đào tạo, dạy cách học, chú trọng dạy kỹ năng, tiếp cận dạy học dựa vào năng lực; Tăng cường chất lượng đào tạo thực hành, thực tập: Từng bước mở rộng mạng lưới các bệnh viện thực hành để tạo điều kiện thuận lợi cho người học có cơ hội rèn luyện kỹ năng được tốt hơn;

+ Đổi mới và nâng cao hiệu quả của các công cụ, vật liệu, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học viên, sinh viên; bám sát chuẩn năng lực và chuẩn đầu ra của các ngành đại học, sau đại học.

+ Thực hiện tốt các quy định trong đào tạo tín chỉ.

- Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên.

- Củng cố năng lực tự học của học viên, sinh viên.

- Xây dựng và phát triển hệ thống E-learning.

- Mở mới các mã ngành đào tạo đại học và sau đại học.

- Tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn.

*** Giải pháp thực hiện**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản và quy trình, thủ tục hành chính phục vụ cho công tác quản lý đào tạo hệ đại học và sau đại học theo hướng nhanh gọn, thuận tiện, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định để xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đại học, sau đại học theo từng năm cho phù hợp với các nguồn lực hiện có của nhà trường.

- Xây dựng và tăng cường công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh giúp người học hiểu rõ về các ngành đào tạo, nội dung, CTĐT nhà trường đang thực hiện.

- Rà soát lại nội dung, CTĐT, chuẩn đầu ra; đối chiếu với chuẩn năng lực thực hành nghề nghiệp do Bộ Y tế ban hành đối với từng ngành đào tạo. Xác định và chuẩn hoá nội dung giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, lượng giá đặc biệt là giảng dạy thực tập, lâm sàng, tạo được động lực để phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của người học.

- Xây dựng và bổ sung các học phần tự chọn phong phú để người học sau khi tốt nghiệp có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng mềm đáp ứng tốt yêu cầu công việc và vị trí việc làm trong tương lai.

- Ưu tiên ngân sách cho công tác đào tạo: Đầu tư thích đáng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, bổ sung phòng học, phòng thực tập, thư viện, vật tư trang thiết bị hiện đại và tiên tiến cho đào tạo.

- Phát huy và duy trì tốt sự kết hợp giữa nhà trường với các bệnh viện, cơ sở thực hành; mở rộng phạm vi các cơ sở thực hành giúp người học có cơ hội được thực hành trong môi trường học tập thuận lợi.

- Chủ động tìm kiếm nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn để phối hợp tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và phục vụ cộng đồng.

2.3. Về nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế

2.3.1. Về nghiên cứu khoa học

**** Định hướng ưu tiên các lĩnh vực nghiên cứu***

Thuốc và dược liệu: Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu và tập trung vào phát triển và bảo tồn nguồn dược liệu quý hiếm. Nghiên cứu tác dụng của dược liệu, đánh giá tác dụng trên thực nghiệm và lâm sàng. Phát triển sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên và đăng ký sở hữu sản phẩm.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu: Nghiên cứu các kỹ thuật và xây dựng các mô hình sàng lọc phát hiện sớm một số bệnh, chẩn đoán, tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, đặc biệt đặc thù cho khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Ứng dụng CNTT trong y học và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nghiên cứu dự báo về tình hình sức khỏe bệnh tật.

Nghiên cứu cơ bản: Triển khai các nghiên cứu về sinh học, hóa học, sinh lý, sinh hóa, lý sinh... tạo nền tảng cho sự phát triển của khoa học y học.

Nghiên cứu về giáo dục y học: Triển khai các nghiên cứu để đổi mới chương trình, phương pháp, tài liệu, vật liệu dạy học cho các ngành đào tạo, các nhóm đối tượng đào tạo trong Nhà Trường.

Các dịch vụ về NCKH: Cung cấp các khóa đào tạo liên quan đến NCKH cho các cơ sở y tế hoặc đối tượng có nhu cầu; Tư vấn xây dựng các thiết kế NCKH hoặc đánh giá chương trình/hoạt động y tế.

*** Giải pháp thực hiện**

- Tăng cường cơ sở vật chất và kinh phí cho hoạt động nghiên cứu. Đầu tư có trọng điểm đối với các đề tài. Xây dựng và đầu tư một số phòng thí nghiệm hiện đại thuộc chuyên ngành mũi nhọn.

- Tăng cường vai trò của các khoa, bộ môn trong NCKH, giao chỉ tiêu cho các đơn vị. Phát triển đội ngũ NCKH trong giảng viên và sinh viên. Xây dựng nhóm nòng cốt NCKH theo từng lĩnh vực chuyên môn. Thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, tiềm năng. Tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên có nhiều cơ hội tiếp xúc, tham gia những hoạt động nghiên cứu, các hội thảo tổ chức ở trong nước và ở nước ngoài.

- Xây dựng chính sách và cơ chế thuê chuyên gia/cán bộ nghiên cứu theo hợp đồng dịch vụ, nhiệm vụ khoa học công nghệ. Thu hút các cán bộ khoa học có trình độ cao ngoài trường tham gia và hướng dẫn NCKH.

- Thúc đẩy thương mại, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ khoa học công nghệ phục vụ chẩn đoán, điều trị, nghiên cứu thuốc và các dịch vụ đào tạo liên quan đến NCKH.

- Xây dựng và hoàn thiện công tác quản lý các chương trình hợp tác trao đổi học thuật và đào tạo quốc tế.

2.3.2. Hợp tác quốc tế

- Tích cực tìm kiếm các đối tác và nguồn lực quốc tế để cải tiến chương trình đào tạo, giáo trình giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy, các phương pháp tiếp cận hiện đại trong dạy học, xây dựng các chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

- Phối hợp và hỗ trợ công tác Nghiên cứu khoa học thông qua mở rộng Hợp tác quốc tế về Nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ, tìm kiếm các nguồn lực cho hoạt động Nghiên cứu khoa học.

- Phối hợp tổ chức các buổi Seminar, tọa đàm trao đổi học thuật, các hội thảo và hội nghị quốc tế.

- Tìm kiếm các đối tác quốc tế nhằm phối hợp, nâng cao khả năng công bố các bài báo quốc tế của cán bộ, học viên, sinh viên của Nhà trường.

- Tích cực chủ động khai thác, tìm kiếm các đối tác quốc tế hợp tác trên cơ sở bình đẳng và có thể học hỏi được thế mạnh của đối tác trong công tác quản lý, tuyển sinh, phát triển thương hiệu, đánh giá trong giáo dục, đảm bảo chất lượng đầu ra, mô hình hợp tác với doanh nghiệp...

- Tăng cường hợp tác trong trao đổi giảng viên, học viên và sinh viên. Bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu có trình độ ngoại ngữ tốt, có khả năng tham gia vào các dự án về đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, các chương trình trao đổi giảng viên, học viên, sinh viên với các đối tác quốc tế.

- Tăng cường các hoạt động giao lưu văn hoá, hiểu biết giữa các nước trong khu vực và trên thế giới, khuyến khích sự hợp tác về học thuật, y học, dược học, điều trị lâm sàng... trao đổi kiến thức và kinh nghiệm y dược học.

*** Giải pháp thực hiện**

- Cập nhật Website của Nhà trường, bao gồm cả Website tiếng Anh. Đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị và quảng bá quốc tế thông qua các cán bộ, giảng viên, sinh viên đã học tập tại nước ngoài trở về.

- Tăng cường tổ chức các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo theo nhiệm vụ trọng tâm, giao lưu hợp tác với các chuyên gia trong cùng lĩnh vực tầm quốc gia và quốc tế.

- Thực hiện liên kết thư viện, trao đổi thông tin khoa học và công bố quốc tế.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch Hợp tác quốc tế dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.

- Hoàn thiện Quy định về quản lý hoạt động Hợp tác quốc tế của Nhà trường.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh các tập thể, cá nhân tham gia hoạt động Hợp tác quốc tế. Phân công các nhóm phụ trách khai thác, tìm kiếm cơ hội hợp tác với một số nước nhất định.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực, trao đổi cán bộ, giảng viên với các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực và quốc tế.

- Chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả tiếp đón, lễ tân, tổ chức đàm phán, ký kết văn bản hợp tác với nước ngoài. Thúc đẩy công tác tuyển sinh du học và mở rộng quy mô lưu học sinh nước ngoài vào học tại Trường. Quản lý tốt đội ngũ sinh viên du học và lưu học sinh nước ngoài. Tăng cường mối quan hệ với các cơ quan quản lý cấp trên và trong Trường góp phần phát triển hợp tác quốc tế của Trường.

- Cập nhật tài liệu giới thiệu về Trường Đại học Y - Dược bằng tiếng Anh. Cập nhật các tài liệu về các Trường đại học đối tác nước ngoài.

- Phối hợp và hỗ trợ các khoa xây dựng chương trình Hợp tác quốc tế về Đào tạo và NCKH theo các chuyên ngành mà Trường có thế mạnh.

- Đẩy mạnh tìm kiếm các chương trình, dự án Hợp tác quốc tế về Đào tạo, Khoa học công nghệ và phục vụ xã hội. Phối hợp với các Bộ, ban, ngành liên quan và các cơ quan khác nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động Hợp tác quốc tế. Tích cực tham gia các chương trình Hợp tác quốc tế của trung ương và địa phương.

- Tăng cường tìm kiếm nguồn học bổng phục vụ đào tạo cán bộ và người học.

- củng cố cơ sở vật chất của Nhà trường để đáp ứng yêu cầu tiếp khách trong và ngoài nước, sắp xếp lại và làm mới các bảng tin, tờ rơi, tài liệu... về Hợp tác quốc tế.

- Khai thác các đề tài, dự án từ nghị định thư, hợp tác với nước ngoài. Lập quỹ học bổng của Hiệu trưởng để trao tặng cho lưu học sinh các nước. Lập quỹ hoạt động Hợp tác quốc tế từ nguồn ngân sách của Trường.

2.4. Về người học và kết nối cộng đồng

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho HSSV.

- Thực hiện tốt công tác tư vấn học tập, hướng nghiệp cho HSSV, gắn liền với các hoạt động ngoại khóa, tạo môi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh cho HSSV trong trường, hướng HSSV vào việc NCKH.

- Ứng dụng CNTT vào quản lý HSSV, đảm bảo tính hệ thống trong việc quản lý HSSV.

- Giải quyết chế độ chính sách, làm tốt công tác thi đua khen thưởng cho HSSV.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cố vấn học tập, cán bộ làm công tác HSSV.

- Thành lập và triển khai các hoạt động Trung tâm tư vấn, hỗ trợ sinh viên, hệ thống kết nối với VC, NLD, Cựu sinh viên, với các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động.

*** Giải pháp thực hiện**

- Đổi mới nội dung, các hình thức và phương pháp tuyên truyền, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Giáo dục chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho HSSV gắn với chuẩn đầu ra của mỗi chuyên ngành đào tạo.

+ Đẩy mạnh sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Nhà trường với gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống cho HSSV.

+ Tạo điều kiện để HSSV tự rèn luyện, tự ý thức được vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân. Tự rèn luyện bản lĩnh, nhận thức, có khả năng phân biệt, đánh giá các sự kiện chính trị, xã hội; nhận biết và phê phán những âm mưu, thủ đoạn chính trị của các thế lực thù địch.

- Xây dựng đề án và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên, xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động đảm bảo HSSV được tư vấn trực tiếp và đầy đủ nhất về những chủ trương chính sách

của Nhà nước, các quy định của Nhà trường liên quan đến HSSV. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, tư vấn, hỗ trợ HSSV về phương pháp học tập, kỹ năng xã hội, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

- Tăng cường các điều kiện về cơ sở vật chất; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội trong nhà trường; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong HSSV.

- Kết hợp Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, tạo sân chơi lành mạnh cho HSSV thông qua các phong trào Đoàn - Hội. Xây dựng các câu lạc bộ tự quản sinh viên, tạo cho sinh viên được chủ động quản lý và bảo vệ môi trường học tập, sinh hoạt của bản thân.

- Trang bị hệ thống thông tin với các phần mềm hiện đại quản lý dữ liệu HSSV.

- Thông qua mạng Website xây dựng mối liên kết giữa sinh viên và cựu sinh viên, tạo cơ hội cho sinh viên có điều kiện học tập kinh nghiệm, tìm cơ hội việc làm sau tốt nghiệp từ các cựu sinh viên.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách, làm tốt công tác thi đua khen thưởng cho HSSV.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cố vấn học tập, cán bộ làm công tác HSSV thông qua các hoạt động: Lựa chọn, xây dựng đội ngũ cố vấn học tập tâm huyết và chuyên nghiệp, tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm về công tác HSSV, cố vấn học tập.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ Ban cán sự lớp truyền thống, lớp học phân trong công tác quản lý lớp sinh viên.

2.5. Về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

- Thường xuyên rà soát, bổ sung nhằm xây dựng bộ ngân hàng câu hỏi đa dạng, đủ lớn, đảm bảo chất lượng.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá người học phù hợp với hình thức đào tạo và thực tiễn, đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Định kỳ rà soát Chuẩn đầu ra, CTĐT theo quy định đối với tất cả các ngành đào tạo của trường.

- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các CTĐT.

- Mỗi năm thực hiện tự đánh giá ít nhất 02 CTĐT, Trường đạt chất lượng kiểm định theo định kỳ 05 năm và thực hiện các kế hoạch cải thiện hằng năm.

*** Giải pháp thực hiện**

- Nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ.

- Hằng năm xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục được phê duyệt. Thường xuyên tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm phát huy những điểm mạnh đồng thời đưa ra các điểm yếu, điểm tồn tại để có hướng khắc phục kịp thời.

- Xây dựng công cụ chuẩn để kiểm tra, đánh giá người học cho tất cả các học phần thuộc các CTĐT.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch cải thiện chất lượng, đảm bảo các kế hoạch cải thiện chất lượng được thực hiện có hiệu quả.

- Tập huấn sử dụng phần mềm phản hồi trực tuyến về các học phần cho sinh viên.

- Hằng năm, tổ chức tổ chức điều tra tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các bên liên quan về chất lượng CTĐT.

- Hằng năm, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật báo cáo tự đánh giá chuẩn bị đầy đủ cho kiểm định Nhà trường và kiểm định CTĐT. Phối hợp với Đại học Thái Nguyên để đánh giá đồng cấp, với các trung tâm kiểm định trong nước và quốc tế để kiểm định Nhà trường và kiểm định CTĐT.

2.6. Về công nghệ thông tin - Thư viện

- Nâng cấp, sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng hệ thống CNTT và thư viện.

- Hỗ trợ chuyển đổi số công tác quản trị trong toàn trường

- Chuyển đổi và vận hành được toàn bộ hệ thống thư viện số.

- Thành lập Trung tâm CNTT - Thư viện

- Nâng cấp liên tục, hiệu quả hệ thống CNTT và thư viện.

*** Giải pháp thực hiện**

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác CNTT - Thư viện.

- Tăng cường đầu tư cải tạo hệ thống CNTT- Thư viện

- Xây dựng đề án thành lập Trung tâm CNTT - Thư viện

2.7. Về cơ sở vật chất và tài chính

2.7. 1. Về cơ sở vật chất

- Thực hiện quy hoạch tổng thể trường.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng cơ sở: Giải phóng mặt bằng Trung tâm đào tạo và nghiên cứu thực địa miền núi phía Bắc tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương. Hoàn thành các công trình giảng đường đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả. Mở và xây dựng cổng chính phía đường Hoàng Văn Thụ. Cải tạo kiến trúc cảnh quan toàn trường. Xây dựng, cải tạo nâng cấp giảng đường đã xuống cấp, ký túc xá, thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, Bệnh viện trường, khu vui chơi, giải trí, các dịch vụ kèm theo. Cải tạo xây dựng hạ tầng điện nước đảm bảo cho yêu cầu sử dụng của Nhà trường.

- Quy hoạch, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài để đầu tư xây dựng tập trung các phòng thí nghiệm thực hành, nâng cấp và hiện đại hóa điều kiện giảng dạy và học tập, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Triển khai các dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị để bổ sung, nâng cấp hiện đại hóa máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Thực hiện quản lý khai thác tốt trang thiết bị sẵn có và trang thiết bị của các Dự án. Bố trí quản lý, sử dụng máy móc trang thiết bị phù hợp và thuận tiện đạt hiệu quả cao.

*** Giải pháp thực hiện**

- Đầu tư, quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị cho những hạng mục thiết yếu nhất đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Nhà

trường, xây dựng thêm giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, hoàn thiện mua sắm máy móc thiết bị của các dự án.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng (giao thông, cấp điện, nước), cảnh quan trong Trường. Mở rộng thêm quỹ đất của Nhà trường.

- Phối hợp tốt với các sở ban ngành trong công tác đầu tư, quy hoạch, xây dựng, các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường.

- Lựa chọn được những đơn vị nhà thầu có chất lượng tốt đem lại hiệu quả cao trong công tác đầu tư đem lại sản phẩm tốt phục vụ lâu dài.

- Quản lý, khai thác thật hiệu quả những máy móc, thiết bị, cơ sở vật chất nhà trường được đặt ra là nhiệm vụ thiết yếu.

- Tìm kiếm thêm nhiều nguồn lực trong và ngoài trường để tăng nguồn lực về cơ sở vật chất.

2.7. 2. Công tác tài chính

- Xây dựng cơ chế tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phối hợp các đơn vị trong trường với các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương và các đối tác nước ngoài để phát triển nguồn thu cho Nhà trường.

- Đảm bảo an ninh tài chính của trường.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý và hoạt động tài chính.

** Giải pháp thực hiện*

- Xây dựng Đề án cơ chế tự chủ về tài chính phù hợp với điều kiện của Nhà trường, có lộ trình từ nay đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo từ các CTĐT chất lượng cao, tiên tiến, liên kết đào tạo, thu hút và tiếp nhận sinh viên quốc tế .

- Tăng nguồn thu từ các dự án đầu tư chiều sâu trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ.

- Tăng nguồn thu từ Bệnh viện trường và các trung tâm cung cấp dịch vụ mũi nhọn để tạo nguồn thu sự nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Phát triển Nhà trường, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ học bổng và các quỹ khác. Đẩy mạnh vận động tài trợ từ các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước.

- Xây dựng định mức thu chi phí đào tạo phù hợp để đảm bảo bù đắp chi phí, nâng cao chất lượng đào tạo và có sức cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý và triển khai các hoạt động tài chính.

- Xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản, thủ tục hành chính trong công tác tài chính.

2.8. Công tác phát triển Bệnh viện trường

- Phát triển quy mô Bệnh viện: Phát triển khoa, phòng, dịch vụ; Khoa khám bệnh theo yêu cầu, khu cận lâm sàng theo yêu cầu, khoa Nhi, khoa Nội soi và điều trị bệnh tiêu hóa,...

- Phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất, đạo đức tốt; trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu trong từng lĩnh vực; có kỹ năng giao tiếp ứng xử và tinh thần thái độ tốt phục vụ người bệnh tạo một môi trường an toàn, thân thiện cho bệnh nhân.

- Phát triển chuyên môn kỹ thuật: Hoàn thiện các quy trình chuyên môn kỹ thuật đảm bảo đúng phân tuyến kỹ thuật bệnh viện hạng II theo quy định của Bộ Y tế. Nhà trường và bệnh viện tập trung phát triển một số kỹ thuật cao, chuyên khoa sâu Tiêu hóa, Tim mạch, Nhi, Sản phụ khoa, Phục hồi chức năng,...

- Phát triển đào tạo liên tục, chỉ đạo tuyển và NCKH:

+ Mở một số mã đào tạo liên tục theo nhu cầu của xã hội

+ Hỗ trợ chuyên môn và chuyển giao một số kỹ thuật cho tuyến dưới

+ Phối hợp tốt việc khám bệnh, điều trị với NCKH và đào tạo đại học, sau đại học.

- Phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với chuyên ngành để thực hiện tốt NCKH, đào tạo sau đại học và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

*** Giải pháp thực hiện**

- Xây dựng Kế hoạch chiến lược và Đề án phát triển Bệnh viện chi tiết, cụ thể.

- Xây dựng đề án vị trí việc làm phù hợp quy mô bệnh viện; Bổ sung bố trí sắp xếp, đào tạo nhân lực phù hợp. Đặc biệt thu hút đội ngũ nhân lực chất lượng cao phục vụ khám, chữa bệnh. Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phù hợp, kịp thời để triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao.

- Xây dựng kế hoạch, hoàn thiện các quy trình chuyên môn kỹ thuật đảm bảo đúng phân tuyến kỹ thuật bệnh viện hạng II theo quy định của Bộ Y tế.

- Huy động mọi nguồn lực để xây dựng và phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị. Lập đề án chuyển đổi khu Ký túc xá thành khu nhà khám và điều trị với diện tích khoảng 500m²/tầng x 7 tầng. Xây dựng khu nhà 02 tầng dành cho Trung tâm Y học gia đình.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động tài chính, tăng cường quản lý, giám sát hoạt động tài chính, đảm bảo thu đúng, thu đủ.

- Lập kế hoạch, đầu tư nguồn lực, triển khai đồng bộ các quy định về quản lý và các hoạt động nâng cao chất lượng bệnh viện theo quy định của Bộ Y tế.

- Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý toàn diện các hoạt động của bệnh viện. Xây dựng kế hoạch và triển khai quản lý bệnh án điện tử, phần mềm quản lý cận lâm sàng điện tử để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, NCKH.

PHẦN VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết, các đề án của Đảng ủy và kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn 2025, với những mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản để định hướng các hoạt động phát triển trường trong thời gian 5-10 năm. Do vậy, việc tổ chức thực hiện là rất quan trọng, đặc biệt cần có sự giám sát, đánh giá quá trình thực hiện để bám sát sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành, có sự điều chỉnh sát với tình hình và điều kiện cụ thể của Trường trong thực tế.

Tập thể lãnh đạo Trường thống nhất quan điểm: (1) Kiên định với mục tiêu và định hướng phát triển. (2) Kiên trì, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ để đạt mục tiêu.

Tổ chức thực hiện thành công Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025 là nhiệm vụ trọng tâm, căn bản để tạo đà phát triển trường vững mạnh trong các giai đoạn sau, do vậy các tập thể, cá nhân trong toàn trường thực hiện tốt trách nhiệm trong việc thực hiện Kế hoạch chiến lược của Trường. Cụ thể như sau:

1. Trách nhiệm của Hội đồng trường

- Hội đồng trường phê duyệt Chiến lược phát triển Trường, chỉ đạo, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện Chiến lược phát triển Trường.

- Hằng năm kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, phát hiện những khó khăn, bất cập để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu phù hợp thực tế.

- Đánh giá, ghi nhận, biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện có hiệu quả, đồng thời xem xét trách nhiệm các tập thể, cá nhân không thực hiện, thực hiện không hiệu quả.

2. Trách nhiệm của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng trực tiếp triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường đến tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan và báo cáo kết quả thực hiện hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng Trường.

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (theo phân công của Hiệu trưởng) chỉ đạo, triển khai, giám sát các đơn vị, cá nhân liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, giải pháp thực hiện tổng thể giai đoạn và hằng năm theo chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, chức danh chuyên môn của VC, NLD để đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhất. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Trường về kết quả thực hiện của các đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Kịp thời báo cáo Hội đồng trường những vấn đề phát sinh, những khó khăn, bất cập, những nội dung chưa phù hợp thực tế và đề xuất giải pháp sửa đổi, bổ sung.

- Đảm bảo nguồn tài chính để thực hiện

- Kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt hoặc xem xét trách nhiệm, xử lý các tập thể, cá nhân vi phạm liên quan đến việc thực hiện chiến lược.

3. Trách nhiệm của Trưởng, Phó trưởng các đơn vị trong toàn trường

- Triển khai và phổ biến việc thực hiện Chiến lược phát triển trường đến toàn thể VC, NLD trong đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Chiến lược phát triển trường và tổ chức thực hiện tại đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát, đánh giá hằng năm và khi có yêu cầu của cấp trên.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng trường, Ban giám hiệu về kết quả thực hiện chiến lược của đơn vị.

- Kịp thời báo cáo về kết quả thực hiện, những phát sinh, khó khăn và giải pháp.

4. Trách nhiệm của viên chức, người lao động

VC, NLD theo vị trí việc làm, chức danh chuyên môn, nhiệm vụ phải có trách nhiệm thực hiện và phối hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao khi thực hiện kế hoạch của đơn vị, nhà trường. Mỗi cán bộ xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với kế hoạch, chiến lược của đơn vị và nhà trường và thực hiện có hiệu quả.

5. Trách nhiệm của người học

Chấp hành đầy đủ mọi quy định, quy chế của Trường, các văn bản pháp luật khác có liên quan, thực hiện tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

Báo cáo cố vấn học tập, lãnh đạo đơn vị chuyên môn, các đơn vị chức năng và lãnh đạo Trường về những hành vi vi phạm nội quy, quy chế của Trường liên quan đến việc hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch Chiến lược phát triển trường.

6. Sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong trường

Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể... trong trường như: các cấp ủy đảng, Công đoàn trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh... phối hợp cùng với chính quyền quán triệt thành viên tổ chức thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao để thực hiện tốt Kế hoạch Chiến lược phát triển trường./.